TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

B¶n ¸n sè: 66/2018/HNG§-ST
Ngµy 28-11-2018
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

** Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/8/2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 165/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/10/2018 và Q định hoãn phiên tòa số 96/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1982 (có mặt)*

** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978 (vắng mặt)*

Đều cư trú: Thôn Đồng Long, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16/8/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị G trình bày:

Chị và anh Q kết hôn ngày 18/10/2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, chị và anh Q về chung sống với nhau. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2003, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q rượu chè, cờ bạc về đánh chửi chị, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Chị bỏ về bố mẹ đẻ sống từ tháng 4/2018, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm gì nhau. Chị đã một lần nộp đơn ly hôn vào tháng 5/2018 nhưng lại rút đơn để cho anh Q một cơ hội nhưng anh Q không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Nguyệt, sinh ngày 18/5/2004 và cháu Nguyễn Thị Thúy Nga, sinh ngày 29/5/2010. Hiện nay cháu Nga đang ở với chị, cháu Nguyệt đang ở với anh Q. Ly hôn, chị xin được nuôi con chung là Nguyễn Thị Thúy Nga, để anh Q nuôi con là Nguyễn Thị Nguyệt, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tại phiên toà, chị G giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải Q con chung với anh Q. Chị nhận nuôi dưỡng con chung là cháu Nga, còn anh Q nuôi cháu Nguyệt, chị và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị hiện đang làm ở Công ty cổ phần may xuất khẩu Hà Bắc lương thu nhập hàng tháng trên 6.000.000 đồng. Về tài sản chung không có, chị không yêu cầu giải Q.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2018 bị đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh và chị G kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thiện. Sau khi kết hôn, anh và chị G về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng anh chung sống đã xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay, anh không nhớ từ năm nào. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong chuyện tình cảm, làm ăn và cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô sát, vì chán nản nên anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng anh ly thân từ đầu năm 2008 cho đến nay, không qua lại, quan tâm gì nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng đã hết anh đồng ý ly hôn chị G.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị Nguyệt, sinh ngày 18/5/2004 và Nguyễn Thị Thúy Nga, sinh ngày 29/5/2010. Hiện nay cháu Nga đang ở với chị G, cháu Nguyệt đang ở với anh. Ly hôn, anh đồng ý để chị G nuôi con chung là Nguyễn Thị Thúy Nga, anh nuôi con chung là Nguyễn Thị Nguyệt, anh và chị G bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện anh làm nghề tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Q vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải Q vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị G chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh Q không chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải Q vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị G, cho chị G được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị G tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thúy Nga, sinh ngày 29/5/2010. Anh Nguyễn Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Nguyệt, sinh ngày 18/5/2004. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Do chị G và anh Q đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải Q.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị G và anh Q thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải Q vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải Q con chung của nguyên đơn chị Hoàng Thị G, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị G và anh Q xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Thiện, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy chị G và anh Q sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh ở địa phương cũng thể hiện nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống giữa chị G và anh Q xảy ra bất đồng quan điểm trong chuyện tình cảm. Chị G đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng chị G, anh Q đã ly thân nhau từ tháng 02 năm 2018, không còn quan tâm gì đến nhau. Mặt khác, tháng 5/2018 chị G đã nộp đơn xin ly hôn anh Q, sau đó lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng không cải thiện được gì. Cả chị G, anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G, anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của chị G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị G và anh Q đều xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thị Nguyệt, sinh ngày 18/5/2004 và cháu Nguyễn Thị Thúy Nga, sinh ngày 29/5/2010. Hiện nay cháu Nga đang ở với chị G, cháu Nguyệt đang ở với anh Q. Ly hôn chị G, anh Q nhất trí để chị G tiếp tục nuôi dưỡng con chung là

Nguyễn Thị Thúy Nga. Anh Nguyễn Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Nguyệt. Chị G, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Chị G đang làm công ty thu nhập ổn định hàng tháng trên 6.000.000 đồng, anh Q làm lao động tự do thu nhập khoảng 10.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy cả chị G và anh Q đều có nguyện vọng nuôi con chung và hai bên chị G, anh Q đều nhất trí mỗi người nuôi 01 con chung. Xét thấy chị G, anh Q đều có khả năng, điều kiện nuôi con, do vậy cần chấp nhận cho chị G, anh Q mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị G và anh Q không yêu cầu giải Q nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải Q.

[4] Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

[2] Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị G tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thúy Nga, sinh ngày 29/5/2010. Anh Nguyễn Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Nguyệt, sinh ngày 18/5/2004. Chị G và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị G và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị G, anh Q thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị G và anh Q không yêu cầu giải Q nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải Q.

[4] Án phí: Chị Hoàng Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002121 ngày 24/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Hoàng Thị G đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Thiện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân